

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/DS-ST**

Ngày : 25/11/2020

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bạch Văn Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Bình & Ông Đinh Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nay Y Sura, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Khắc Nghiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1971; trú tại: khu phố Ch, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Khắc Th, sinh năm 1987, bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989; đồng trú: thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết, bị đơn (ông Th, bà L) nhiều lần vay tiền của tôi, tính đến ngày 17/01/2017, bị đơn hiện còn nợ của tôi số tiền gốc 50.000.000đ. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không trả. Trước đây, tôi với bị đơn có thỏa thuận tiền lãi, cụ thể tiền lãi

50.000đ/1.000.000đ nhưng đến khi hai bên xác nhận nợ (ngày 17/01/2017) thì bị đơn không trả lãi nữa. Việc bị đơn cho rằng có thỏa thuận hàng tháng trả 2.500.000đ cho tôi là không đúng vì từ khi xác nhận nợ đến nay bị đơn không trả gốc + lãi cho tôi. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho tôi tổng số tiền 80.060.000đ (*trong đó gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/01/2017 đến ngày 17/01/2020 là 30.060.000đ*). Ngoài ra tôi không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Tôi thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn (bà H) nhiều lần đến ngày 17/01/2017 chốt nợ thì chúng tôi còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc 50.000.000đ. Sau khi lập giấy xác nhận nợ giữa chúng tôi với nguyên đơn có thỏa thuận trả mỗi tháng số tiền 2.500.000đ cho đến cuối năm 2018 là hết 50.000.000đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả tổng số tiền 80.060.000đ (*trong đó gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/01/2017 đến ngày 17/01/2020 là 30.060.000đ*) thì tôi không đồng ý vì tôi đã trả cho nguyên đơn hết số tiền 50.000.000đ. Ngoài ra tôi không có ý kiến hay trình bày nào khác.

Bị đơn Bùi Khắc Th vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của bị đơn: Ông Bùi Khắc Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L được triệu tập, niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Số tiền gốc 50.000.000đ mà bị đơn phải trả, Hội đồng xét xử thấy: Giấy nhận nợ ngày 17/01/2017 do hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực. Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn nhưng cho đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 17/01/2017 đến ngày 17/01/2020, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản và có lãi. Căn cứ khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự tiền lãi được tính như sau:  $50.000.000đ \times 36 \text{ tháng} \times 20\%/năm = 30.060.000đ$ . Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 30.060.000đ tiền lãi là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Việc vay tiền của nguyên đơn được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bị đơn nhưng hiện nay ông Th, bà L đã ly hôn theo Quyết định số 89/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S. Do đó ông Th, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn khoản vay trên theo Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những nhận định, phân tích trên, căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Th, bà L cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền 80.060.000đ (trong đó gốc 50.000.000đ và lãi 30.060.000đ).

[4] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc L cho rằng đã trả hết số tiền 50.000.000đ cho nguyên đơn vào cuối năm 2018 nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị đơn ông Bùi Khắc Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án tiền phí dân sự sơ thẩm là  $80.060.000đ \times 5\% = 4.003.000đ$ ; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 179 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H.

2. Buộc bị đơn ông Bùi Khắc Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thu H tổng số tiền gốc + lãi là 80.060.000đ (*trong đó ông Th trả 40.030.000đ, bà L trả 40.030.000đ*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn ông Bùi Khắc Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.421.000đ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Đặng Thị Thu H 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006160 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS huyện S (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bạch Văn Trinh**